

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN DẦU TIẾNG
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 176/2024/DS-ST

Ngày: 23-9-2024

V/v “Tranh chấp
hợp đồng tín dụng”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DẦU TIẾNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Tùng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trương Hữu Bình ;

2. Ông Hồ Sỹ Quý.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Ngọc Thọ – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thanh Bình – Kiểm sát viên.

Ngày 23/9/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương. Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 415/2024/TLST- DS ngày 02 tháng 8 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 179/2024/QĐXXST-DS ngày 30/8/2024 giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Công ty Trách nhiệm hữu hạn (viết tắt là TNHH) mua bán nợ Galaxy, địa chỉ: Tầng E, khối E, Tòa nhà C, số B C, Phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp: Ông Dương Trung H, sinh năm 1999; nơi cư trú: Ấp P, xã S, huyện D, tỉnh Tây Ninh; bà Nguyễn Hồng H1, sinh năm 2000, nơi cư trú: Tổ B, ấp B, xã P, huyện P, tỉnh Bình Dương; bà Hồ Thị Thu H2, sinh năm 1991, nơi cư trú: Ấp T, xã V, huyện P, tỉnh Bình Dương. Là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền số 103-07/UQ/GALAXY-QTBD ngày 10/7/2024).

2. **Bị đơn:** Bà Trần Thị Kim T, sinh năm 1979, địa chỉ thường trú: Ấp H, xã M, huyện D, tỉnh Bình Dương.

Đại diện nguyên đơn ông **H** có mặt, bị đơn bà **T** vắng mặt và đã có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện ghi ngày 10/7/2024, quá trình tố tụng giải quyết vụ án, nguyên đơn trình bày:

Bà **Trần Thị Kim T** và **Công ty T** (TNHH) một thành viên **Ngân hàng V** có ký kết “Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng” số 20151229-106021-0001 ngày 29/12/2015; theo đó mục đích bà **T** vay tiền của **Công ty T** là để mua xe máy với giá 18.500.000 đồng và số tiền vay là 19.425.000 đồng. Hai bên thỏa thuận lãi suất vay là 68%/năm, tương ứng với 5,66%/tháng, thời hạn vay là 18 tháng. Quá trình thực hiện hợp đồng, bà **T** đã thanh toán được số tiền 3.524.000 đồng, ngày thanh toán cuối cùng là 27/5/2016.

Ngày 28/12/2018, giữa **Công ty T** và **Công ty TNHH M** đã ký kết “Hợp đồng mua bán nợ” số VPBFC-CEO-18-0006. Trong đó có khoản nợ của bà **Trần Thị Kim T** đối với **Công ty T**. Tại khoản 6 Điều 6 của “Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng” số 20151229-106021-0001 ngày 29/12/2015 đã cho phép **Công ty T** (TNHH) một thành viên **Ngân hàng V** có quyền chuyển giao yêu cầu thanh toán các khoản nợ, phía **Công ty T** cũng đã có Biên bản xác nhận khoản nợ đã được mua bán cho **Công ty TNHH M**.

Tính đến ngày 28/12/2018 (ngày mua bán nợ), bà **Trần Thị Kim T** còn nợ lại **Công ty T** số tiền là 24.406.451 đồng, trong đó nợ gốc là 18.167.252 đồng, nợ lãi là 6.239.199 đồng.

Kể từ ngày ký kết hợp đồng mua bán nợ, **Công ty TNHH M** đã nhiều lần áp dụng các biện pháp pháp lý cần thiết để đôn đốc, thu hồi nợ nhưng bà **Trần Thị Kim T** vẫn không thực hiện việc thanh toán tiền.

Tại phiên tòa, **Công ty TNHH M** giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu bà **Trần Thị Kim T** thanh toán số tiền 24.406.451 đồng, trong đó nợ gốc là 18.167.252 đồng, nợ lãi là 6.239.199 đồng (tiền gốc và tiền lãi tính đến ngày 28/12/2018).

Chứng cứ nguyên đơn cung cấp: Văn bản ủy quyền cho người tham gia tố tụng; bản sao Giấy phép đăng ký kinh doanh; bản sao Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng; bản sao Hợp đồng mua bán nợ; bản sao Biên bản xác nhận khoản nợ đã được mua bán; bản photo giấy chứng minh nhân dân và sổ hộ khẩu.

*Tại bản tự khai và Đơn yêu cầu vắng mặt ngày 19/8/2024, bị đơn bà **T** trình bày:*

Lúc trước, bà **T** có vay tiền của Ngân hàng để mua xe và có trả được 2 lần. Do bị tai nạn và dịch **C** nên không có tiền để trả. Bà **T** đồng ý với yêu cầu khởi kiện của **Công ty TNHH G**, thừa nhận có nợ là 18.167.252 đồng và chấp

nhận trả tiền lãi theo như đơn khởi kiện. Bà T có thiện ý trả nhưng không có khả năng trả một lần, mong quý tòa xem xét cho trả theo từng đợt.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng có ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Quá trình tố tụng cũng như diễn biến tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án đã thực hiện việc thu thập chứng cứ, công khai chứng cứ, hòa giải và mở phiên tòa đúng quy định. Tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn có mặt, bị đơn bà T vắng mặt và đã có đơn xin giải quyết vắng mặt, căn cứ quy định tại các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định. Không kiến nghị khắc phục, bổ sung thủ tục tố tụng. Quan hệ pháp luật tranh chấp là “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Từ những tài liệu chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ. Sau khi nghe lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định,

[1] Tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn ông H có mặt, bị đơn bà T vắng mặt và đã có đơn xin giải quyết vắng mặt. Căn cứ quy định tại các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định.

[2] Nguyên đơn Công ty TNHH M khởi kiện yêu cầu bị đơn bà Trần Thị Kim T có nghĩa vụ trả số tiền 24.406.451 đồng. Bà T có nơi cư trú tại ấp H, xã M, huyện D, tỉnh Bình Dương nên căn cứ quy định tại Điều 26, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng và có quan hệ pháp luật là “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

[3] Quá trình tố tụng, nguyên đơn Công ty TNHH M cung cấp chứng cứ là các bản sao: “Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng” số 20151229-106021-0001 ngày 29/12/2015 của bà T đối với bên cho vay là Công ty T; “Hợp đồng mua bán nợ” số VPBFC-CEO-18-0006 ngày 28/12/2018 giữa Công ty T và Công ty TNHH M, Biên bản xác nhận khoản nợ đã được mua bán số 9767A/2024/BBXNMBN/GLX DT ngày 07/6/2024 của Công ty T; phía bị đơn bà T đồng ý với yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH G, thừa nhận có nợ số tiền 18.167.252 đồng và chấp nhận trả tiền lãi theo như đơn khởi kiện. Như vậy, yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH M đối với bà Trần Thị Kim T về việc yêu cầu thanh toán số tiền 24.406.451 đồng, trong đó nợ gốc là 18.167.252 đồng, nợ lãi là 6.239.199 đồng (tiền gốc và tiền lãi tính đến ngày 28/12/2018) là có căn cứ, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Bị đơn bà T đồng ý với yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH G nhưng không có khả năng trả một lần, xin được xem xét cho trả theo từng đợt. Ý kiến trên của bị đơn không được phía nguyên đơn chấp nhận, vì vậy cũng không được Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

[5] Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng về phần các thủ tục tố tụng, diễn biến tại phiên tòa và nội dung giải quyết vụ án là phù hợp với quy định của pháp luật.

[6] Về án phí: Bị đơn bà Trần Thị Kim T phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 147, 227, 228, 229, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Căn cứ các Điều 463, 466, 468, 470 của Bộ luật Dân sự.

- Căn cứ các Điều 91, 95 của Luật các tổ chức tín dụng.

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” của Công ty TNHH M đối với bà Trần Thị Kim T.

Buộc bà Trần Thị Kim T có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty TNHH M số tiền 24.406.451 đồng (hai mươi bốn triệu bốn trăm lẻ sáu nghìn bốn trăm năm mươi một đồng), trong đó nợ gốc là 18.167.252 đồng, nợ lãi là 6.239.199 đồng.

Sau khi án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thanh toán số tiền trên, thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

2.1. Bà Trần Thị Kim T phải chịu số tiền 1.220.322 đồng (một triệu hai trăm hai mươi nghìn ba trăm hai mươi hai đồng).

2.2. Hoàn trả cho Công ty TNHH M số tiền 610.161 đồng (sáu trăm mười nghìn một trăm sáu mươi một đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000314 ngày 30/7/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

3. Quyền kháng cáo:

3.1. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án (ngày 23/9/2024).

3.2. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

4. Trường hợp Bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Dầu Tiếng;
- CC THA DS huyện Dầu Tiếng;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Tùng

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trương Hữu Bình

Hồ Đắc Minh

Trần Văn Tùng

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THÂM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trương Hữu Bình

Nguyễn Thị Kim Phi

Trần Văn Tùng

